



## DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

### LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QG-VPCNCLQG  
ngày tháng 11 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng  
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo Lường Chất lượng

Laboratory: Technical Department of Standards Metrology and Quality

Cơ quan chủ quản: Trung tâm Ứng dụng khoa học và Công nghệ Bắc Ninh số 1

Organization: Bac Ninh Center for Scientific and technological Application No 1.

Số hiệu/ Code: VILAS 665

Chuẩn mực công nhận/  
Accreditation criteria ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực: Hóa

Field: Chemical

Người quản lý/ Laboratory manager: Trần Văn Quý

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: Kể từ ngày /11/2025 đến ngày 27/12/2030

Địa chỉ/ Address: phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh  
Da Mai ward, Bac Ninh province

Địa điểm/Location: phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh  
Da Mai ward, Bac Ninh province

Điện thoại/ Tel. 0204 3828368

Email: www.ttudkhenbg.skken@bacninh.gov.vn

**DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN**  
**LIST OF ACCREDITED TESTS**  
**VILAS 665**

**Lĩnh vực thử nghiệm: Hoá**

*Field of testing: Chemical*

| TT | Tên sản phẩm, vật liệu được thử<br><i>Materials or product tested</i> | Tên phép thử cụ thể<br><i>The name of specific tests</i>                                                                                                                                                                                          | Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo<br><i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i> | Phương pháp thử<br><i>Test method</i> |
|----|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| 1  | <b>Than</b><br><i>Coal</i>                                            | Xác định hàm lượng ẩm toàn phần.<br>Phương pháp B2-khô trong không khí<br><i>Determination of total moisture content B2 method-air dry</i>                                                                                                        |                                                                                                        | TCVN 172:2019                         |
| 2  |                                                                       | Xác định hàm lượng tro<br><i>Determination of ash content</i>                                                                                                                                                                                     |                                                                                                        | TCVN 173:2011                         |
| 3  | <b>Than (không bao gồm coke)</b><br><i>Coal (exclude coke)</i>        | Xác định hàm lượng chất bốc<br><i>Determination of volatile content</i>                                                                                                                                                                           |                                                                                                        | TCVN 174:2011                         |
| 4  | <b>Thức ăn chăn nuôi</b><br><i>Animal feeding stuffs</i>              | Xác định độ ẩm và hàm lượng chất bay hơi khác<br><i>Determination of moisture and other volatile matter content.</i>                                                                                                                              |                                                                                                        | TCVN 4326:2001                        |
| 5  |                                                                       | Xác định hàm lượng Nitơ và tính hàm lượng protein thô<br>Phương pháp phân hủy kín và chưng cất bằng hơi nước.<br><i>Determination of nitrogen content and calculation of crude protein content Block digestion and steam distillation method.</i> |                                                                                                        | TCVN 4328-2:2011                      |
| 6  |                                                                       | Xác định hàm lượng tro thô<br><i>Determination of crude ash content</i>                                                                                                                                                                           |                                                                                                        | TCVN 4327:2007                        |

**Ghi chú / Notes:**

Trường hợp Trung tâm Ứng dụng khoa học và Công nghệ Bắc Ninh số 1 cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Trung tâm Ứng dụng khoa học và Công nghệ Bắc Ninh số 1 phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này. / *It is mandatory for the Bac Ninh Center for Scientific and technological Application No 1 that provides the product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*